



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 06/MYH27/VHU/TB

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO

V/v Danh mục ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ

Căn cứ Thông tư số 74/2026/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Nhà trường thông báo đến các đơn vị và người học về danh mục ngành đào tạo ở các trình độ như sau:

1. Danh mục ngành đào tạo

STT	Ngành đào tạo trước đây			Ngành đào tạo theo Thông tư số 74/2026/TT-BGDĐT, ngày 28/8/2026		
	Trình độ đào tạo	Tên ngành	Số, ngày QĐ mở ngành	Mã số	Tên ngành	Lĩnh vực
1.	Đại học	Thanh nhạc	740/QĐ-BGDĐT, ngày 12/03/2015	210205	Thanh nhạc	Nghệ thuật
2.	Đại học	Piano	740/QĐ-BGDĐT, ngày 12/03/2015	210207	Biểu diễn nhạc cụ phương tây	
3.	Đại học	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	697/MYH24/VHU/QĐ, ngày 29/4/2024	210332	Nghệ thuật điện ảnh, truyền hình	
4.	Đại học	Công nghệ điện ảnh, truyền hình	696/MYH24/VHU/QĐ, ngày 29/4/2024	210302	Công nghệ điện ảnh, truyền hình	



STT	Ngành đào tạo trước đây			Ngành đào tạo theo Thông tư số 74/2026/TT-BGDĐT, ngày 28/8/2026		
	Trình độ đào tạo	Tên ngành	Số, ngày QĐ mở ngành	Mã số	Tên ngành	Lĩnh vực
5.	Đại học	Ngôn ngữ Anh	4833/QĐ-BGDĐT, ngày 08/11/1999	220201	Ngôn ngữ Anh	Nhân văn
6.	Đại học	Ngôn ngữ Pháp	4833/QĐ-BGDĐT, ngày 08/11/1999	220203	Ngôn ngữ Pháp	
7.	Đại học	Ngôn ngữ Trung Quốc	4833/QĐ-BGDĐT, ngày 08/11/1999	220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	
8.	Đại học	Ngôn ngữ Nhật	4833/QĐ-BGDĐT, ngày 08/11/1999	220209	Ngôn ngữ Nhật	
9.	Đại học	Văn học	4833/QĐ-BGDĐT, ngày 08/11/1999	220130	Văn học	
10.	Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	2708/QĐ-BGDĐT, ngày 26/07/2013	220121	Văn học Việt Nam	
11.	Tiến sĩ	Văn học Việt Nam	604/QĐ-BGDĐT, ngày 03/02/2021	220121	Văn học Việt Nam	Khoa học xã hội và hành vi
12.	Đại học	Quan hệ quốc tế	700/MYH24/VHU/QĐ, ngày 29/4/2024	310206	Quan hệ quốc tế	
13.	Đại học	Xã hội học	426/QĐ-BGDĐT, ngày 27/01/2004	310301	Xã hội học	
14.	Đại học	Việt Nam học	516/QĐ-BGDĐT, ngày 26/01/2007	310630	Việt Nam học	
15.	Đại học	Tâm lý học	426/QĐ-BGDĐT, ngày 27/01/2004	310401	Tâm lý học	
16.	Thạc sĩ	Tâm lý học	622/MYH24/VHU/QĐ, ngày 28/03/2024	310401	Tâm lý học	



STT	Ngành đào tạo trước đây			Ngành đào tạo theo Thông tư số 74/2026/TT-BGDĐT, ngày 28/8/2026		
	Trình độ đào tạo	Tên ngành	Số, ngày QĐ mở ngành	Mã số	Tên ngành	Lĩnh vực
17.	Đại học	Đông phương học	516/QĐ-BGDĐT, ngày 26/01/2007	310608	Đông phương học	Khoa học xã hội và hành vi
18.	Thạc sĩ	Đông phương học	623/MYH24/VHU/QĐ, ngày 28/03/2024	310608	Đông phương học	
19.	Đại học	Trung Quốc học	580/MYH25/VHU/QĐ, ngày 10/3/2025	310612	Trung Quốc học	
20.	Đại học	Kinh tế	105/2021/VHU/QĐ-HĐT, ngày 27/9/2021	310101	Kinh tế học	
21.	Đại học	Truyền thông đa phương tiện	95.2021/VHU/QĐ-HĐT, ngày 26/7/2021	320104	Truyền thông đa phương tiện	Báo chí và thông tin
22.	Đại học	Quan hệ công chúng	323.2021/QĐ-HĐT-VHU, ngày 28/12/2020	320108	Quan hệ công chúng	
23.	Đại học	Quản trị kinh doanh	4833/QĐ-BGDĐT, ngày 08/11/1999	340101	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh và quản lý
24.	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	741/QĐ-BGDĐT, ngày 12/03/2015	340101	Quản trị kinh doanh	
25.	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	1199/QĐ-BGDĐT, ngày 07/04/2021	340101	Quản trị kinh doanh	
26.	Đại học	Marketing	980/2022/VHU/QĐ, ngày 27/9/2022	340115	Marketing	
27.	Đại học	Kinh doanh thương mại	823/MYH23/VHU/QĐ, ngày 30/6/2023	340121	Kinh doanh thương mại	
28.	Đại học	Thương mại điện tử	106/2021/VHU/QĐ-HĐT, ngày 27/9/2021	340122	Thương mại điện tử	



STT	Ngành đào tạo trước đây			Ngành đào tạo theo Thông tư số 74/2026/TT-BGDĐT, ngày 28/8/2026		
	Trình độ đào tạo	Tên ngành	Số, ngày QĐ mở ngành	Mã số	Tên ngành	Lĩnh vực
29.	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	662/QĐ-BGDĐT, ngày 20/03/2019	340201	Tài chính - Ngân hàng	Kinh doanh và quản lý
30.	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	2097/QĐ-BGDĐT, ngày 09/08/2024	340201	Tài chính - Ngân hàng	
31.	Đại học	Công nghệ tài chính	824/MYH23/VHU/QĐ, ngày 30/6/2023	340205	Công nghệ tài chính	
32.	Đại học	Kế toán	322.2021/QĐ-HĐT-VHU, ngày 28/12/2020	340301	Kế toán	
33.	Đại học	Kiểm toán	698/MYH24/VHU/QĐ, ngày 29/4/2024	340302	Kiểm toán	
34.	Đại học	Quản trị nhân lực	701/MYH24/VHU/QĐ, ngày 29/4/2024	340404	Quản trị nhân lực	
35.	Đại học	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	660/QĐ-BGDĐT, ngày 20/03/2019	340123	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Pháp luật
36.	Đại học	Luật	71.2021/VHU/QĐ-HĐT, ngày 10/5/2021	380101	Luật	
37.	Đại học	Luật kinh tế	577/MYH25/VHU/QĐ, ngày 10/3/2025	380107	Luật kinh tế	Khoa học sự sống
38.	Đại học	Công nghệ sinh học	661/QĐ-BGDĐT, ngày 20/03/2019	420201	Công nghệ sinh học	
39.	Đại học	Khoa học máy tính	1469/QĐ-BGDĐT, ngày 05/06/2020	480101	Khoa học máy tính	Máy tính và công nghệ thông tin
40.	Đại học	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	578/MYH25/VHU/QĐ, ngày 10/3/2025	480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	



STT	Ngành đào tạo trước đây			Ngành đào tạo theo Thông tư số 74/2026/TT-BGDĐT, ngày 28/8/2026		
	Trình độ đào tạo	Tên ngành	Số, ngày QĐ mở ngành	Mã số	Tên ngành	Lĩnh vực
41.	Đại học	Công nghệ thông tin	4833/QĐ-BGDĐT, ngày 08/11/1999	480201	Công nghệ thông tin	Máy tính và công nghệ thông tin
42.	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	1146/MYH25/VHU/QĐ, ngày 27/12/2024	480201	Công nghệ thông tin	
43.	Đại học	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	228/QĐ-BGD&ĐT-ĐH,, ngày 12/01/2001	520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Kỹ thuật
44.	Đại học	Kỹ thuật môi trường	803/MYH23/VHU/QĐ, ngày 28/6/2023	520320	Kỹ thuật môi trường	
45.	Đại học	Công nghệ thực phẩm	12.2021/QĐ-HĐT-VHU, ngày 08/01/2021	540101	Công nghệ thực phẩm	Sản xuất và chế biến
46.	Đại học	Kỹ thuật xây dựng	699/MYH24/VHU/QĐ, ngày 29/4/2024	580201	Kỹ thuật xây dựng	Kiến trúc và xây dựng
47.	Đại học	Điều dưỡng	1858/QĐ-BGDĐT, ngày 27/6/2023	720301	Điều dưỡng	Sức khỏe
48.	Đại học	Du lịch	659/QĐ-BGDĐT, ngày 20/03/2019	810101	Du lịch	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân
49.	Đại học	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	4833/QĐ-BGDĐT, ngày 08/11/1999	810201	Quản trị khách sạn (7810201, 8810201)	
50.	Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2934/QĐ-BGDĐT, ngày 07/10/2020	810201	Quản trị khách sạn (7810201, 8810201)	
51.	Đại học	Quản trị khách sạn	1572/QĐ-BGDĐT, ngày 08/05/2014	810201	Quản trị khách sạn (7810201, 8810201)	
52.	Thạc sĩ	Quản trị khách sạn	1719/MYH24/VHU/QĐ, ngày 25/09/2024	810201	Quản trị khách sạn (7810201, 8810201)	



STT	Ngành đào tạo trước đây			Ngành đào tạo theo Thông tư số 74/2026/TT-BGDDĐT, ngày 28/8/2026		
	Trình độ đào tạo	Tên ngành	Số, ngày QĐ mở ngành	Mã số	Tên ngành	Lĩnh vực
53.	Đại học	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	579/MYH25/VHU/QĐ, ngày 10/3/2025	810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân

2. Thời gian áp dụng: Bắt đầu từ kỳ tuyển sinh sau ngày 31/12/2026.

Nơi nhận:

- TT.HĐT (để b/c);
- Các đơn vị trong Trường;
- Đăng tải: website QLĐT;
- Lưu: VT, QLĐT.

TUQ. HIỆU TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH THƯỜNG TRỰC

(Đã ký)

Trần Thị Phương Thảo